

**DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ DÙNG ĐỂ THU THẬP
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP HUYỆN**

Áp dụng đối với: Phòng Tư pháp huyện/thị xã/thành phố

STT	Tên biểu	Ký hiệu biểu	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
A	B	C	E	G
1	Số cuộc kết hôn	005.N/H0103-TP	Năm	Ngày 28 tháng 02 năm sau năm báo cáo
2	Số trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh	007.N/H0105-TP	Năm	Ngày 28 tháng 02 năm sau năm báo cáo
3	Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử	008.N/H0106-TP	Năm	Ngày 28 tháng 02 năm sau năm báo cáo

Biểu số: 005.N/H0103-TP
Ban hành kèm theo Quyết
định số 1614/QĐ-UBND
ngày 06/10/2023 của UBND
tỉnh Bình Phước

Ngày nhận báo cáo: Ngày 28
tháng 02 năm sau năm báo cáo

SỐ CUỘC KẾT HÔN

Năm ...

Đơn vị báo cáo:
Phòng Tư pháp.....
Đơn vị nhận báo cáo:
Chi cục Thống kê.....

	Mã số	Số cuộc kết hôn (Cặp)		
		Tổng số	Chia ra	
			Kết hôn lần đầu	Kết hôn lần thứ hai trở lên
A	B	1	2	3 = 1-2
Tổng số	01			
Trong đó: Số cuộc kết hôn theo xã/phường/thị trấn				
-	02			
-	03			
-	04			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

BIỂU SỐ 005.N/H0103-TP: SỐ CUỘC KẾT HÔN

1. Khái niệm, phương pháp tính

Kết hôn là việc nam và nữ xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo quy định của Luật hộ tịch và Luật hôn nhân và gia đình về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn.

Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:

a) Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;

b) Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;

c) Không bị mất năng lực hành vi dân sự;

d) Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kết hôn lần đầu là việc cả nam và nữ lần đầu tiên xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn.

Kết hôn lần thứ hai trở lên là việc nam hoặc/và nữ lần thứ hai trở lên xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn.

2. Cách ghi biểu

- Cột A: Ghi danh sách xã/phường/thị trấn theo danh mục đơn vị hành chính.

- Cột 1: Ghi tổng số cuộc kết hôn của toàn huyện/quận/thị xã/thành phố và của từng xã/phường/thị trấn.

- Cột 2: Ghi số cuộc kết hôn lần đầu theo từng dòng tương ứng của cột A.

- Cột 3: Ghi số cuộc kết hôn lần thứ hai trở lên theo từng dòng tương ứng của cột A.

Lưu ý: Cột 3 = Cột 1 - Cột 2

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Phạm vi toàn huyện/thị xã/thành phố. Số liệu thu thập năm báo cáo.

4. Nguồn số liệu

Phòng Tư pháp.

Biểu số: 007.N/H0105-TP

Ban hành kèm theo Quyết định số
1614/QĐ-UBND ngày 06/10/2023
của UBND tỉnh Bình Phước

Ngày nhận báo cáo: Ngày 28 tháng
02 năm sau năm báo cáo

**SỐ TRẺ EM DƯỚI 05 TUỔI
ĐÃ ĐƯỢC ĐĂNG KÝ
KHAI SINH**

Năm

Đơn vị báo cáo:
Phòng Tư pháp.....
Đơn vị nhận báo cáo:
Chi cục Thống kê
.....

Đơn vị tính: Trẻ em

	Mã số	Tổng số	Chia theo giới tính	
			Nam	Nữ
A	B	1 = 2+3	2	3
Tổng số	01			
1. Chia theo dân tộc				
- Kinh	02			
- Khác	03			
2. Chia theo xã/phường/thị trấn				
- Xã/phường/thị trấn	04			
- Xã/phường/thị trấn	05			
- Xã/phường/thị trấn	06			
-			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

BIỂU SỐ 007.N/H0105-TP: SỐ TRẺ EM DƯỚI 05 TUỔI ĐÃ ĐƯỢC ĐĂNG KÝ KHAI SINH

1. Khái niệm, phương pháp tính

Trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh là số trẻ em dưới 05 tuổi tính từ ngày sinh, được đăng ký khai sinh và cấp Giấy khai sinh theo quy định của Luật hộ tịch.

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi tổng số trẻ em đã được đăng ký khai sinh theo từng dòng tương ứng của cột A.

- Cột 2: Ghi số bé trai đã được đăng ký khai sinh theo từng dòng tương ứng của cột A.

- Cột 3: Ghi số bé gái đã được đăng ký khai sinh theo từng dòng tương ứng của cột A.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Toàn huyện/thị xã/thành phố. Thời kỳ thu thập cả năm báo cáo.

4. Nguồn số liệu

Phòng Tư pháp

Biểu số: 008.N/H0106-TP
Ban hành kèm theo Quyết định số
1614/QĐ-UBND ngày
06/10/2023 của UBND tỉnh Bình
Phước

Ngày nhận báo cáo:
Ngày 28 tháng 02 năm sau năm
báo cáo

**SỐ TRƯỜNG HỢP TỬ
VONG ĐƯỢC ĐĂNG KÝ
KHAI TỬ**

Năm

Đơn vị báo cáo:
Phòng Tư pháp.....
Đơn vị nhận báo cáo:
Chi cục Thống kê.....

Đơn vị tính: Người

STT		Mã số	Tổng số	Chia theo giới tính	
				Nam	Nữ
A	B	C	1 = 2+3	2	3
	Tổng số	01			
	Chia theo xã/phường/thị trấn				
1	- Xã/phường/thị trấn,.....	02			
2	- Xã/phường/thị trấn,.....	03			
3	- Xã/phường/thị trấn,.....	04			
...	-				
...	-				

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

BIỂU SỐ 008.N/H0106-TP: SỐ TRƯỜNG HỢP TỬ VONG ĐƯỢC ĐĂNG KÝ KHAI TỬ

1. Khái niệm, phương pháp tính

Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử là số trường hợp chết được đăng ký khai tử trong kỳ nghiên cứu. Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử gồm cả các trường hợp tuyên bố chết theo bản án/quyết định của tòa án và đã được ghi vào sổ việc thay đổi hộ tịch theo quy định tại Luật hộ tịch, đăng ký khai tử đúng hạn và đăng ký khai tử quá hạn.

Phương pháp tính:

Tổng số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử tại Ủy ban nhân dân cấp xã (gồm cả các trường hợp tuyên bố chết theo bản án/quyết định của tòa án và đã được ghi vào sổ việc thay đổi hộ tịch theo quy định tại Luật hộ tịch) trong một kỳ hạn về thời gian. Tổng số này gồm cả đăng ký khai tử đúng hạn và quá hạn, không gồm đăng ký lại.

2. Cách ghi biểu

- Cột B: Ghi danh sách xã/phường/thị trấn theo danh mục đơn vị hành chính.
- Cột 1: Ghi tổng số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử trong năm báo cáo theo từng dòng tương ứng của cột A.
- Cột 2: Ghi số trường hợp tử vong là nam được đăng ký khai tử trong năm báo cáo theo từng dòng tương ứng của cột A.
- Cột 3: Ghi số trường hợp tử vong là nữ được đăng ký khai tử trong năm báo cáo theo từng dòng tương ứng của cột A.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Toàn huyện/thị xã/thành phố. Thời kỳ thu thập cả năm báo cáo.

4. Nguồn số liệu

Phòng Tư pháp ...